

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 12-7-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Thanh Minh

Bà Phan Thị Hiếu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tăng Thị L, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2019 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Tăng Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2015 ngày 26 tháng 01 năm 2015. Việc kết hôn do chị và anh H đều tự nguyện. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Nguyên nhân chị L

yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không tôn trọng nhau, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trần Lan A, sinh ngày 13/01/2017. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt, không đến Tòa cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh H. Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Trần Lan A cho chị L nuôi dưỡng, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tăng Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tăng Thị L và anh Nguyễn Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị L và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2015 ngày 26/01/2015, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. chị L xin ly hôn với anh H với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng và tôn trọng nhau, anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị L và anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh H biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh H vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ. Qua ý kiến của chị L thể hiện chị L và anh H không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: chị L và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trần Lan A, sinh ngày 13/01/2017. chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lan Anh và hiện nay cháu Lan Anh dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Trần Lan A cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ và cung cấp cho Tòa án phiếu lương của anh Nguyễn Văn H thể hiện anh H đang làm việc tại Công ty H với mức lương hàng tháng là 5.670.000đ. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là quá cao so với mức lương của anh H nên Hội đồng xét xử buộc anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ là phù hợp với mức lương của anh H.

[4] Về tài sản chung: chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tăng Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Tăng Thị L đối với anh Nguyễn Văn H.

Xử cho chị Tăng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Lan A, sinh ngày 13/01/2017 cho chị Tăng Thị L nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Anh Nguyễn Văn H được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Tăng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000471 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm

